TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **176**/2025/KDTM-PT
Ngày: 23/7/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Tống Quốc Thanh

Bà Nguyễn Thị Hạnh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Đào Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 23 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 122/2025/TLPT-KDTM ngày 03 tháng 6 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 543/2025/QĐ-PT ngày 26 tháng 6 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên toà số 602/2025/QĐPT-KDTM ngày 11 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH Z

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà R, tổ 44, phường Y, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội (Nay là Tầng 7, tòa nhà R, tổ 44, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Liu Jianqiang – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Nhật Quang, bà Bùi Thị Minh Ngọc, ông Nguyễn Quang Hải; Địa chỉ liên hệ: P404, Pacific Place, số 83B Lý Thường Kiệt, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội (Nay là P404, Pacific Place, số 83B Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội).

(Ông Hải có mặt).

- Bị đơn: Công ty cổ phần xây dựng thương mại H

Địa chỉ: Số 51, ngách 157/6 phố Đư, phường T, quận L, thành phố Hà Nội (Nay là số 51, ngách 157/6 phố Đ, phường T, thành phố Hà Nội).

Địa chỉ liên hệ: Số 12/53/49/2 phố Đư, tổ 20, phường Đ, quận L, Hà Nội (Nay là số 12/53/49/2 phố Đư, tổ 20, phường Đư, thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc Tú – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn Hậu, sinh năm 1984; Địa chỉ: P12A2 chung cư R, tổ 8 phường G, quận L, thành phố Hà Nội (Nay là P12A2 chung cư R, tổ 8 phường V, thành phố Hà Nội).

(Ông Hậu có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Ngọc Tú, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số 12/53/49/2 phố Đ, tổ 20, phường Đ, quận L, thành phố Hà Nội (Nay là số 12/53/49/2 phố Đ, tổ 20, phường V, thành phố Hà Nội).

(Ông Tú có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, người đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/06/2023, Công ty TNHH Z (Sau đây viết tắt là Công ty Z) và Công ty cổ phần Xây dựng Thương mại H (Sau đây viết tắt là Công ty H) đã ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa số DR2023071200148 ("***Hợp Đồng 1***"). Theo đó, Công ty Z có nghĩa vụ cung cấp hàng hóa là máy khoan cọc nhồi đã qua sử dụng Model ZR280C-2, Công ty H có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ giá trị hàng hóa cho Công ty Z theo 03 đợt: Đợt 1 thanh toán trong vòng 03 ngày kể từ ngày ký hợp đồng mua bán; Đợt 2 thanh toán trong vòng 07 ngày kể từ ngày ký biên bàn giao hàng hóa; Đợt 3 thanh toán trong vòng 03 ngày sau khi hết thời hạn bảo hành máy. Ngày 14/7/2023, Công ty Z, Công ty H và ông Nguyễn Ngọc T đã ký kết một Thỏa thuận bảo lãnh thanh toán ba bên ("Thỏa Thuận Bảo Lãnh"). Theo đó, ông Nguyễn Ngọc T, với tư cách cá nhân, bảo lãnh vô điều kiện và không huỷ ngang tất cả nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ Hợp Đồng 1 của Công ty H đối với Công ty Z nếu Công ty H không thực hiện thanh toán đầy đủ và toàn bộ bất kỳ nghĩa vụ nào. Cũng trong ngày 14/07/2023, Công ty Z đã hoàn thành việc giao hàng hóa là Máy khoan cọc nhồi Model ZR280C-2 cùng với các phụ kiện đi kèm theo Hợp Đồng 1 cho Công ty H, hai bên đã ký Biên bản giao nhận hàng hóa, xác nhận Công ty Z đã bàn giao đúng số lượng và chủng loại hàng hóa. Công ty Z đã phát hành hóa đơn giá trị gia tăng ("GTGT") số 0000014 ngày 14/07/2023, với tổng giá trị thanh toán là 7.650.000.000 VNĐ (đã bao gồm thuế GTGT).

Ngày 18/10/2023, Công ty Z và Công ty H tiếp tục ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa số DR2023102000229 ("***Hợp Đồng 2***"). Công ty Zoomlion có nghĩa vụ cung cấp hàng hóa là máy khoan cọc nhồi đã qua sử dụng Model ZR220A, Công ty H có nghĩa vụ thanh toán giá trị hàng hóa cho Công ty Zoomlion theo 02 đợt: Đợt 1 thanh toán trong vòng 03 ngày kể từ ngày ký hợp đồng mua bán; Đợt 2 thanh toán toàn bộ giá trị hàng hóa trước khi ký biên bàn giao. Ngày 31/10/2023, Công ty Z đã hoàn thành việc giao hàng hóa là máy khoan cọc nhồi model ZR220A theo hợp Đồng 2 cho Công ty H. Đại diện của Công ty Z và Công ty H cùng với các nhân viên giao nhận của hai bên đã ký vào

Biên bản bàn giao hàng hóa, xác nhận Công ty Z đã giao hàng hóa đầy đủ và đáp ứng yêu cầu chất lượng theo hợp đồng mua bán. Công ty Z cũng đã phát hành hóa đơn GTGT số 00000195 ngày 31/10/2023 cho Công ty H, với tổng giá trị thanh toán là 3.800.000.000 VNĐ (đã bao gồm thuế GTGT).

Tuy nhiên, khi đã quá hạn thanh toán các hợp đồng trên, Công ty H vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ thanh toán giá trị hàng hóa phát sinh tại các hợp đồng đối với Công ty Z. Tổng số tiền Công ty H chưa thanh toán cho Công ty Z theo các hợp đồng là 3.502.500.000 đồng. Cụ thể: Khoản nợ chưa thanh toán phát sinh từ hợp đồng 1 là *382.500.000 đồng*; khoản nợ chưa thanh toán phát sinh từ hợp đồng 2 là *3.120.000.000 đồng*. Công ty Z đã nhiều lần gửi các công văn yêu cầu thanh toán nhưng cho đến nay Công ty H vẫn chưa tiến hành thanh toán khoản nợ trên cho Công ty Z mà không có bất kỳ lý do chính đáng nào.

Vì vậy, Công ty Z khởi kiện Công ty H, đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

1) Buộc Công ty cổ phần xây dựng thương mại H thanh toán cho Công ty Z toàn bộ khoản nợ gốc còn tồn đọng là 3.502.500.000 đồng, bao gồm 382.500.000 đồng tiền nợ gốc phát sinh từ Hợp đồng 1 và 3.120.000.000 đồng tiền nợ gốc phát sinh từ Hợp đồng 2 trong 30 ngày kể từ ngày Tòa án sơ thẩm đưa ra phán quyết cuối cùng;

2) Buộc Công ty H thanh toán số tiền lãi chậm trả phát sinh từ khoản nợ gốc là 466.485.000 đồng;

Tổng số tiền phải thanh toán là 3.968.985.000 đồng (*Ba tỷ, chín trăm sáu mươi tám triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng*);

3) Trường hợp Công ty H không thể hoàn thành việc thanh toán khoản nợ phát sinh từ hợp đồng 1, buộc ông Nguyễn Ngọc Tu thanh toán thay khoản nợ 382.500.000 đồng phát sinh từ Hợp đồng 1 trong 03 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán của H.

Tại bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2024/KDTM-ST ngày 10/3/2025 của Toà án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1 Buộc Công ty Cổ phần Xây dựng thương mại H phải thanh toán cho Công ty TNHH Z tổng số tiền 4.343.752.500 đồng *(bốn tỷ, ba trăm bốn mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng)* phát sinh từ các Hợp đồng mua bán hàng hoá số DR2023071200148 ngày 17/6/2023 và số DR2023102000229 ngày 18/10/2023. Trong đó:

- Khoản nợ có biện pháp bảo đảm (DR2023071200148) là 382.500.000 đồng *(ba trăm tám mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng)* tiền gốc, 78.412.500 đồng *(bẩy mươi tám triệu, bốn trăm mươi hai nghìn, năm trăm đồng)* tiền lãi, tổng

là 460.912.500 đồng *(bốn trăm sáu mươi triệu, chín trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng)*.

- Khoản nợ không có biện pháp bảo đảm (DR2023102000229) là 3.120.000.000 đồng *(ba tỷ, một trăm hai mươi triệu đồng)* tiền gốc, 762.840.000 đồng *(bẩy trăm sáu mươi hai triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng)* tiền lãi, tổng là 3.882.840.000 đồng *(ba tỷ, tám trăm tám mươi hai triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng)*.

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc với lãi suất thoả thuận trong hợp đồng là 0,05%/ngày.

1.3. Trường hợp Công ty Cổ phần Xây dựng thương mại H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng cam kết trả nợ đối với khoản nợ có biện pháp bảo đảm, thì ông Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty H toàn bộ số tiền 460.912.500 đồng *(bốn trăm sáu mươi triệu, chín trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng)* và lãi phát sinh trên số nợ gốc (382.500.000 đồng) với lãi suất 0,05%/ngày.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 24/3/2025 Công ty cổ phần xây dựng thương mại H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm do Toà án cấp sơ thẩm chưa xem xét hết tình tiết trong vụ án.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Sau khi bàn giao máy theo các hợp đồng mua bán đã ký, Công ty H không có bất cứ văn bản nào khiếu nại về việc chất lượng máy không đảm bảo. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày:

- Đối với Hợp đồng mua bán hàng hoá số DR2023071200148: Công ty H xác nhận còn nợ số tiền gốc như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên Công ty H không đồng ý thanh toán vì nguyên đơn không có văn bản đề xuất thanh toán. Mặt khác, bị đơn đã gửi văn bản yêu cầu nguyên đơn khấu trừ số tiền này vào số tiền đặt cọc của hợp đồng mua bán khác nhưng không được chấp nhận.

- Đối với Hợp đồng mua bán hàng hoá số DR2023102000229: Bị đơn không đồng ý thanh toán vì theo như các hợp đồng trước đó, bị đơn phải có bảo lãnh thì nguyên đơn mới giao hàng. Khi bị đơn thanh toán 30% giá trị hợp đồng nhưng nguyên đơn chậm giao hàng, khi bị đơn chạy thử thì máy có vấn đề, bị đơn đã yêu cầu nguyên đơn nhận máy và trả lại tiền nhưng không được chấp nhận. Mặt khác, nguyên đơn không bàn giao các giấy tờ của máy theo phụ lục hợp đồng đã ký.

Ông Nguyễn Ngọc T xác nhận có ký thoả thuận bảo lãnh với nội dung ông bảo lãnh cho bị đơn trong việc thực hiện hợp đồng mua bán hàng hoá số DR2023071200148. Ông xác nhận đến nay bị đơn còn nợ số tiền gốc là 382.500.000 đồng. Ông chỉ đồng ý bảo lãnh đối với khoản tiền nợ gốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Công ty H, sửa án sơ thẩm về cách tuyên lãi chậm thi hành án.

Về án phí: Công ty H phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

1. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Công ty H trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí nên được chấp nhận.

2. Xét kháng cáo của Công ty H:

2.1.Về tính hợp pháp của các hợp đồng mua bán hàng hoá:

Ngày 17/6/2023 và ngày 18/10/2023, Công ty Z và Công ty H ký kết 02 hợp đồng mua bán hàng hoá. Xét thấy Công ty Z và Công ty H là các pháp nhân được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật đã giao kết hợp đồng tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên hợp đồng có hiệu lực thi hành đối với các bên.

2.2. Về số tiền nợ gốc:

Theo biên bản bàn giao hàng hoá ngày 14/7/2023 và ngày 31/10/2023, Công ty Z đã giao đủ hàng theo các hợp đồng mua bán và xuất đầy đủ hoá đơn giá trị gia tăng cho Công ty H. Giá trị hàng hoá theo hợp đồng 1 là 7.650.000.000 đồng và giá trị hàng hoá theo hợp đồng 2 là 3.800.000.000 đồng. Theo bảng kê lệnh chuyển tiền của các lần thanh toán, Công ty H đã thanh toán cho Công ty Z số tiền 7.267.500.000 đồng (Theo hợp đồng 1) và 680.000.000 đồng (Theo hợp đồng 2). Như vậy số tiền mua hàng Công ty H còn nợ Công ty Z là 3.502.500.000 đồng. Toà án cấp sơ thẩm buộc Công ty H phải thanh toán số tiền nợ gốc là có căn cứ.

Về việc bị đơn trình bày không đồng ý thanh toán số tiền còn nợ của 02 hợp đồng, Hội đồng xét xử thấy:

Điều 3.10 hợp đồng quy định: Bên mua sẽ tiến hành kiểm tra hàng hoá về mọi mặt trong vòng 07 ngày sau khi hàng hoá đến địa điểm giao hàng. Nếu bên

mua không kiểm tra hoặc không đưa ra văn bản phản đối về việc chấp nhận hàng hoá và bằng chứng chứng minh trong thời hạn nói trên, hàng hoá sẽ được coi là chấp nhận. Nếu bên mua phản đối trong thời hạn nói trên, bên mua sẽ ngay lập tức sử dụng hàng hoá và giữ hàng hoá đúng cách, nếu không hàng hoá được coi là đã được chấp nhận.

Điều 3.12 quy định: Khi hàng hoá được coi là đã được chấp nhận, bên mua không được từ chối thanh toán theo thoả thuận vì lý do chất lượng.

Xét thấy: Theo biên bản giao nhận hàng hoá thể hiện các bên đã kiểm tra hàng hoá đầy đủ và xác nhận hàng hoá đáp ứng yêu cầu chất lượng của nhà sản xuất. Bị đơn đã nhận hàng và sử dụng hàng mà không có văn bản khiếu nại đến nguyên đơn trong thời gian quy định của hợp đồng, như vậy xác định chất lượng hàng hoá nguyên đơn bàn giao đạt yêu cầu.

Về việc nguyên đơn không bàn giao đầy đủ giấy tờ theo phụ lục hợp đồng: Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn đã bàn giao cho bị đơn các giấy tờ theo thoả thuận của phụ lục hợp đồng. Xét thấy hợp đồng mua bán cũng như phụ lục hợp đồng không có thoả thuận việc nguyên đơn phải bàn giao giấy tờ liên quan là điều kiện để thanh toán. Do đó bị đơn vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc theo thoả thuận của hợp đồng.

2.3. Về yêu cầu tính lãi: Điều 8.3.1 hợp đồng mua bán hàng hoá số DR2023071200148 ngày 17/6/2023 và Điều 8.3.1 hợp đồng mua bán hàng hoá số DR2023102000229 ngày 18/10/2023 quy định: Trường hợp thanh toán quá hạn, bên mua phải trả 0,05% tổng số tiền quá hạn cho mỗi ngày được coi là bồi thường thiệt hại ấn định. Thoả thuận trên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Do Công ty H vi phạm thời gian thanh toán nên phải chịu khoản tiền lãi chậm thanh toán.

* Về thời gian tính lãi:

- Phụ lục 1 hợp đồng mua bán hàng hoá số DR2023071200148 quy định: Thanh toán 5% giá trị còn lại tương ứng với số tiền 382.500.000 đồng trong 03 ngày sau khi hết thời gian bảo hành máy (06 tháng). Ngày 14/7/2023 Công ty Z đã bàn giao hàng cho Công ty H. Như vậy, thời gian tính lãi chậm thanh toán của hợp đồng mua bán số DR2023071200148 được tính từ ngày 18/01/2024.

- Phụ lục 1 hợp đồng mua bán hàng hoá số DR2023102000229 quy định: Trong vòng 03 ngày hai bên ký hợp đồng mua bán, bên mua thanh toán cho bên bán 380.000.000 đồng. Thanh toán đến 100% giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền 3.420.000.000 đồng trước khi ký biên bản bàn giao. Ngày 31/10/2023, hai bên đã ký biên bản bàn giao hàng hoá. Như vậy, thời gian tính lãi chậm thanh toán của hợp đồng mua bán số DR2023102000229 được tính từ ngày 31/10/2023.

Toà án cấp sơ thẩm xác định số tiền lãi chậm thanh toán của hợp đồng mua bán hàng hoá số DR2023071200148 là 78.412.500 đồng và số tiền lãi chậm thanh

toán của hợp đồng mua bán hàng hoá số DR2023102000229 là 762.840.000 đồng là có căn cứ.

3. Về nghĩa vụ bảo lãnh:

Ngày 14/7/2023, ông Nguyễn Ngọc T, Công ty H và Công ty Z ký thoả thuận bảo lãnh thanh toán về việc bảo lãnh thực hiện hợp đồng mua bán số DR2023071200148 ngày 14/72023. Theo thoả thuận, bên mua có nghĩa vụ thanh toán số tiền 7.482.000.000 đồng cho Công ty Z theo hợp đồng mua bán hàng hoá. Ông Nguyễn Ngọc T bảo lãnh không huỷ ngang và vô điều kiện với bên bán việc thực hiện tất cả các nghĩa vụ thanh toán của bên mua cho Công ty Z (Gọi chung là các nghĩa vụ được bảo lãnh) nếu bên mua không thanh toán đầy đủ và toàn bộ bất kỳ nghĩa vụ được bảo lãnh. Bên bảo lãnh phải thanh toán các nghĩa vụ được bảo lãnh…. Hội đồng xét xử thấy: Thoả thuận bảo lãnh được ký kết giữa các bên là tự nguyện, tuân thủ quy định của pháp luật, đã phát sinh hiệu lực và có nghĩa vụ ràng buộc trách nhiệm giữa các bên tham gia. Công ty Z đã giao hàng hoá theo thoả thuận, Công ty H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ của Hợp đồng DR2023071200148 là 382.500.000 đồng. Công ty Z đã nhiều lần thông báo yêu cầu Công ty H và người bảo lãnh là ông Tú thanh toán nhưng các bên có nghĩa vụ đều không thực hiện. Do đó Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu buộc ông Nguyễn Ngọc T phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc và lãi theo Hợp đồng DR2023071200148 trong trường hợp Công ty H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đối với Công ty Z là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, thấy rằng kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về cách tuyên khoản tiền lãi chậm thi hành án: Hợp đồng mua bán hàng hoá giữa Công ty Z và Công ty H có thoả thuận về tiền lãi chậm thanh toán. Toà án cấp sơ thẩm tuyên kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc …. là không đúng hướng dẫn tại Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, do đó cần phải sửa án sơ thẩm về cách tuyên án.

[5] Án phí: Do kháng cáo không được cấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 148, Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 357, 440 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 50, 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

- Không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần xây dựng thương mại H.

- Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2025/KDTM-ST ngày 10/3/2025 của Toà án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Z đối với Công ty cổ phần xây dựng thương mại H.

2. Buộc Công ty cổ phần xây dựng thương mại H phải thanh toán cho Công ty TNHH Z tổng số tiền phát sinh từ các Hợp đồng mua bán hàng hoá tính đến ngày 10/3/2025 là 4.343.752.500 đồng. Cụ thể:

- Số tiền phải thanh toán theo Hợp đồng mua bán hàng hoá số DR2023071200148 ngày 17/6/2023 là 460.912.500 đồng, trong đó nợ gốc là 382.500.000 đồng, nợ lãi là 78.412.500 đồng.

- Số tiền phải thanh toán theo Hợp đồng mua bán hàng hoá số DR2023102000229 ngày 18/10/2023 là 3.882.840.000 đồng, trong đó nợ gốc là 3.120.000.000 đồng, nợ lãi là 762.840.000 đồng.

3. Kể từ ngày tiếp theo ngày xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận là 0,05%/ngày.

4. Trường hợp Công ty cổ phần xây dựng thương mại H không trả nợ đối với khoản nợ của Hợp đồng mua bán hàng hoá số DR2023071200148 ngày 17/6/2023, thì ông Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty cổ phần xây dựng thương mại H.

5. Án phí:

- Về án phí sơ thẩm:

Công ty cổ phần xây dựng thương mại H phải chịu 112.343.753 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty TNHH Z 55.690.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm (Đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0051371 ngày 22/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên, thành phố Hà Nội).

- Về án phí phúc thẩm:

Công ty cổ phần xây dựng thương mại H phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào 2.000.000 đồng tạm ứng án phí

phúc thẩm (Đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0051771 ngày 01/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên, thành phố Hà Nội).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Toà án nhân dân Khu vực 5-Hà Nội;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5-Hà Nội;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Anh Tuấn

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Anh Tuấn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Anh Tuấn

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Anh Tuấn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phỳc
-------- ✯✯✯ --------

BÁO CÁO
XÉT XỬ VỤ ÁN KINH DOANH THƯƠNG MẠI

Kính gửi: lãnh đạo Tòa án nhân dân quận Đống Đa

Tôi là: Trần Anh Tuấn, thẩm phán

Báo cáo vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 98/2020/TLST-KDTM ngày 20/10/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng cung cấp và lắp đặt", giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Long Thịnh Việt Nam

Địa chỉ: Số 2 ngõ 58/1 phố Hoàng Đạo Thành, phường Kim Giang, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần thương mại và truyền thông Vinasing

Địa chỉ: Tầng 19 toà nhà Ocean Part, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Nội dung vụ án: Ngày 05/7/2018 Công ty TNHH MTV Long Thịnh Việt Nam và Công ty cổ phần thương mại và truyền thông Vinasing ký hợp đồng cung cấp và lắp đặt số 01/HĐKT/VNS-LTVN. Theo hợp đồng, Công ty Long Thịnh cung cấp và lắp đặt hệ thống biển hộp đèn tại các cầu bộ hành trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Thời hạn thanh toán: Trong vòng 15 ngày kể tư ngày nghiệm thu bàn giao công trình. Công ty Long Thịnh đã thực hiện theo hợp đồng đã ký. Ngày 10/4/2019 Công ty Long Thịnh và Công ty Vinasing đã ký nghiệm thu hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng. Tuy nhiên Công ty Vinasing mới chỉ thanh toán cho Công ty Long Thịnh 2.500.000.000 đồng. Công ty Long Thịnh yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty Vinasing phải trả số tiền 3.808.400.000 đồng.

Ngày 19/5/2021 nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 25/4/2019 đến ngày 25/4/2021 là 685.512.000 đồng (Lãi suất 9%/năm); Tiếp tục tính lãi cho đến khi bị đơn thanh toán xong khoản nợ; Buộc bị đơn phải chịu phạt do vi phạm hợp đồng là 304.672.000 đồng.

Thẩm phán đề xuất:

Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc bị đơn phải thanh toán tiền gốc và lãi do chậm thanh toán

Không chấp nhận yêu cầu phạt do vi phạm hợp đồng

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền thanh toán. Nguyên đơn phải chịu án phí trên số tiền yêu cầu không được chấp nhận.

Người báo cáo

Trần Anh Tuấn